

Tên:

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ, ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày .../....



Week: 9

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Nghe HW:

UNIT 3: THE DESERT - VOCABULARY & FLYERS LISTENING PART 3

A. THEORY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/hzNAX8uIsqbQ3T5vlg>



I. VOCABULARY

- Sand & Stone

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	oasis (n)	ốc đảo		7	carve (v)	khắc / tạc	
2	waterhole (n)	hố nước		8	wise (adj)	khôn ngoan	
3	shore (n)	bờ (biển, hồ...)		9	glad (adj)	vui mừng	
4	kindness (n)	lòng tốt		10	hot (adj)	nóng	
5	hurt (v)	làm đau		11	cold (adj)	lạnh	
6	cool off (phr)	làm mát (bớt nóng)		12	stupid (adj)	ngốc nghếch	

II. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	bandage (n)	băng gạc		4	towel (n)	khăn tắm	
2	invitation (n)	thiệp mời		5	chemist's (n)	hiệu thuốc	
3	rucksack (n)	ba lô du lịch		6	factory (n)	nhà máy	

III. FLYERS LISTENING PART 3

1. Dạng bài

Nghe và viết chữ cái (A-H) của địa điểm vào ô cạnh mỗi đồ vật. Có 2 tranh thừa.

A • Thư viện

B • Phòng thể thao

C • Cửa hàng

D • Trường học

E • Công viên

F • Bể bơi

G • Bến xe buýt

H • Bệnh viện

2. Cách làm bài

- Quan sát bức tranh trước khi nghe.
- Nghe để chọn đáp án đúng.
- Nghe lần 2 kiểm tra lại.

3. Mẹo làm bài

1 Người nói thường nhắc 2 nơi. Nghe tiếp sau but / too expensive / later để biết nơi thật sự lấy đồ.

2 Dùng xong chữ cái nào, gạch chữ cái đó.

X B D
E F G H

B. CLASSWORK

FLYERS LISTENING PART 3

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

<https://on.soundcloud.com/uoIsTV1wpIDah9n2CJ>



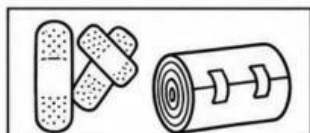
Where did Oliver get these things from?

Listen and write a letter in each box. There is one example.

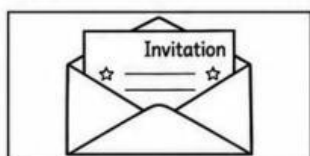


books

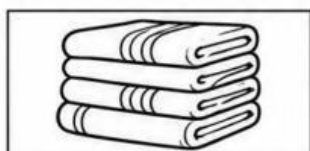
G



bandages



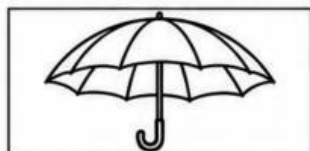
invitations



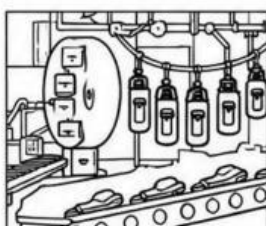
towels



rucksack



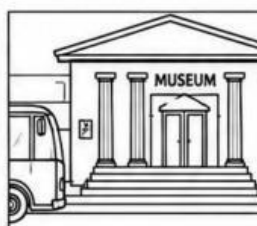
umbrella



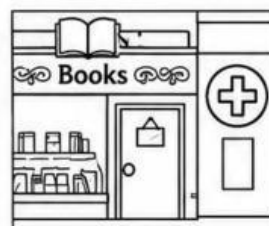
A



B



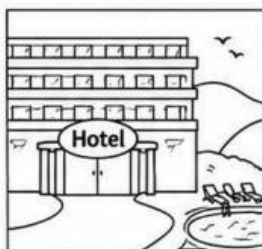
C



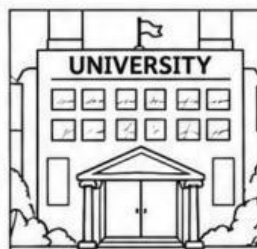
D



E



F



G



H

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (17 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục I. VOCABULARY và II. EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Match to make words. Write the words. (Nối để hoàn thiện từ. Sau đó viết từ vào chỗ trống.)

0 oa	1 sh	2 hu	3 ca	4 w	5 gl	6 ho	7 col
rve	ise	ad	t	sis	ore	rt	d

0. oasis 1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____

5. _____ 6. _____ 7. _____

III. Read the descriptions and unscramble the words.

(Đọc mô tả và sắp xếp các chữ cái để hoàn thiện từ.)

0. I fell down. My knee is sore.

(u h t r) → hurt

1. You are nice to other people. You help them.

(n s d s k e n i) → _____

2. Not clever at all. A silly idea.

(t u i s d p) → _____

3. Green place with water in the desert.

(s i a s o) → _____

4. It is a hot day. You get cooler in the water.

(l c o o f o f) → _____

5. Animals drink here in the wild.

(h e t l o w r e a) → _____

IV. Write sentences with the prompts using PAST SIMPLE. Keep the prompts in the given order. (Hoàn thành câu với các từ cho sẵn ở thì QUÁ KHỨ ĐƠN. Không thay đổi thứ tự của từ.)

0. He / go / school / yesterday.

→ He went to school yesterday.

1. She / eat / pizza / last night.

→ _____.

2. They / see / a movie / on Sunday.

→ _____.

3. You / buy / that book / yesterday?

→ _____?

4. We / have / class / on Monday.

→ _____.

5. He / do homework / yesterday?

→ _____?

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

<https://on.soundcloud.com/uolsTV1wpIDah9n2CJ>



I. Listen. Is each sentence right (✓) or wrong (X)? (Nghe và đánh dấu (✓) nếu câu đúng, dấu (X) nếu câu sai.)

Sentence	(✓) or (X)
0. Oliver bought his books in the town centre.	X
1. Oliver bought his umbrella at the post office.	
2. The invitations are for a party.	
3. Oliver hurt his knee when he was running to catch the bus.	
4. The chemist gave Oliver some medicine.	
5. The towels at the supermarket were cheaper than the ones at the hotel shop.	

II. Listen. Choose the right answer. There is one example. (Nghe và chọn đáp án đúng.)

0. Where was Oliver going when it started to rain?

☒ A. the clothes shop B. the museum C. the bus stop

1. Why didn't Oliver buy the books in the town centre?

- A. They were too expensive.
- B. The shop was closed.
- C. He didn't find them.

2. Who gave Oliver the invitations?

A. his teacher B. his friend from London C. William

3. What did the chemist tell Oliver?

A. to buy a bandage B. to see a doctor C. to catch the bus

4. Who told Oliver about the factory?

A. the chemist B. the woman C. William

5. Where will they go after lunch?

A. the hospital B. the supermarket C. the hotel